

BIỂU 01. BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ NĂM 2025																						
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã Lộc Bình)																						
Đơn vị: Triệu đồng																						
TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năm thực hiện	Năng lực thiết kế	Quyết định đầu tư							Kế hoạch vốn giai đoạn 2021- 2025					Kế hoạch vốn bố trí năm 2025					Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm ban hành (nếu có)	TMDT						Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:				
						Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó			Vốn huy động khác (Nhân dân, DN đóng góp)		NSTW	Ngân sách tỉnh	xã	Vốn huy động khác (Nhân dân, DN đóng góp)		NSTW	Ngân sách tỉnh	xã	Vốn huy động khác (Nhân dân, DN đóng góp)	
								NSTW	Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
	TỔNG CỘNG					194,505	194,505	194,505			-	194,505	194,505	-	-	-	194,505	194,505	-	-	-	
	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025					194,505	194,505	194,505			-	194,505	194,505	-	-	-	194,505	194,505	-	-	-	
	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công lĩnh vực dân tộc					194,505	194,505	194,505			-	194,505	194,505	-	-	-	194,505	194,505	-	-	-	
	Khởi công mới					194,505	194,505	194,505			-	194,505	194,505	-	-	-	194,505	194,505	-	-	-	
-	Sửa chữa đường Tổ 7, khu Pò Mực	khu Pò Mực	2025			194,505	194,505	194,505				194,505	194,505				194,505	194,505				Bổ sung dự án, thực hiện theo cơ chế đặc thù

BIỂU 2. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ LỘC BÌNH (VỐN NSTW)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã Lộc Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng		Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 được duyệt			Điều chỉnh		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số QĐ, ngày tháng, năm	Tổng số (tất cả nguồn vốn)			Trong đó:		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:				
						Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác		Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác				Vốn NSTW	NSDP và các nguồn vốn khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG						3.390,505	3.390,505	-	395,563	395,563	-	135,505	194,505	454,563	260,058	194,505	
A	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG (KHÔNG BAO GỒM VỐN NSTW THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG)																	
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG						3.390,505	3.390,505	-	395,563	395,563	-	135,505	194,505	454,563	260,058	194,505	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN						3.390,505	3.390,505	-	395,563	395,563	-	135,505	194,505	454,563	260,058	194,505	
I.1	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						3.390,505	3.390,505	-	395,563	395,563	-	135,505	194,505	454,563	260,058	194,505	
1	Kè bê tông và sân NVH khu Pò Mực	Thị trấn Lộc Bình	Xã Lộc Bình		2024		600,000	600,000		124,182	124,182		34,558		89,624	89,624		Công trình đã QT
2	Đường + Ngầm tổ 4, khu Pò Mực	Thị trấn Lộc Bình	Xã Lộc Bình	0,15 km	2024		947,000	947,000		200,000	200,000		29,566		170,434	170,434		Công trình đã QT
3	Đường BTXM Nà Dầy, khu Pò Mực	Thị trấn Lộc Bình	Xã Lộc Bình	0,25 km	2024		280,000	280,000		0,237	0,237		0,237		-	-		Công trình đã QT
4	Đường bê tông xi măng thôn Khuổi Lầy, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Khánh Xuân	Xã Lộc Bình		2023		1.369,000	1.369,000		71,144	71,144		71,144		-	-		Công trình đã QT
5	Sửa chữa đường Tổ 7, khu Pò Mực		Xã Lộc Bình		2025		194,505	194,505		-				194,505	194,505		194,505	Bổ sung DM

BIỂU 3. ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 XÃ LỘC BÌNH (VỐN NSTW)
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã Lộc Bình)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án, công trình	Địa điểm xây dựng		Năng lực thiết kế	Thời gian KCC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn giai đoạn 2021 - 2025			Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 được duyệt										Điều chỉnh		Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 sau điều chỉnh										Ghi chú			
												Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)					Kế hoạch vốn năm 2025							Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)					Kế hoạch vốn năm 2025								
		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Tổng số			Trong đó			Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó			Giảm	Tăng	Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó												
						Vốn NSTW	Vốn NSDP						Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSDP					Vốn NSTW	NST	NSX	Các nguồn vốn khác		Vốn NSTW	NST	NSX	Các nguồn vốn khác	Vốn NSTW	NST	NSX	Các nguồn vốn khác					
							NST	NSX							Các nguồn vốn khác																		NST		NSX	Các nguồn vốn khác	NST
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24			14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG CỘNG						3.390,505	3.390,505	-	454,563	454,563	-	395,563	95,563	95,563	-	-	-	300,000	300,000	-	-	-	135,505	194,505	454,563	103,563	103,563	-	-	-	351,000	351,000	-	-	-	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS&MN						3.390,505	3.390,505	-	454,563	454,563	-	395,563	95,563	95,563	-	-	-	300,000	300,000	-	-	-	135,505	194,505	454,563	103,563	103,563	-	-	-	351,000	351,000	-	-	-	
I.1	Dự án 4. Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc						3.390,505	3.390,505	-	454,563	454,563	-	395,563	95,563	95,563	-	-	-	300,000	300,000	-	-	-	135,505	194,505	454,563	103,563	103,563	-	-	-	351,000	351,000	-	-	-	
1	Kè bê tông và sân NVH khu Pò Mực	Thị trấn Lộc Bình	Xã Lộc Bình		2024		600,000	600,000		89,624	89,624		124,182	24,182	24,182				100,000	100,000				34,558		89,624	-				89,624	89,624					
2	Đường + Ngầm tổ 4, khu Pò Mực	Thị trấn Lộc Bình	Xã Lộc Bình	0,15 km	2024		947,000	947,000		170,434	170,434		200,000	-					200,000	200,000				29,566		170,434	-				170,434	170,434					
3	Đường BTXM Nà Dẫy, khu Pò Mực	Thị trấn Lộc Bình	Xã Lộc Bình	0,25 km	2024		280,000	280,000		-			0,237	0,237	0,237				-					0,237		-	-				-						
4	Đường bê tông xi măng thôn Khuổi Lầy, xã Khánh Xuân, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Xã Khánh Xuân	Xã Lộc Bình		2023		1.369,000	1.369,000		-			71,144	71,144	71,144				-					71,144		-	-				-						
5	Sửa chữa đường Tổ 7, khu Pò Mực		Xã Lộc Bình		2025		194,505	194,505		194,505	194,505		-	-					-						194,505	194,505	103,563	103,563				90,942	90,942				

BIỂU 4. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 XÃ LỘC BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã Lộc Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt				Điều chỉnh		Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Giảm	Tăng	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	TỔNG CỘNG	178,000	178,000	-	-	-	138,000	316,000	316,000	-	-	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI	178,000	178,000	-	-	-	138,000	316,000	316,000	-	-	
1	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	140,000	140,000	-	-	-	80,000	220,000	220,000	-	-	
1.1	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	140,000	140,000	-	-		80,000	220,000	220,000	-	-	
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	38,000	38,000	-	-		58,000	96,000	96,000	-	-	

BIỂU 5. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025 XÃ LỘC BÌNH (VỐN NSTW)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã Lộc Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn bố trí năm 2025				Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)				Kế hoạch vốn năm 2025 (cấp mới)				Điều chỉnh (Vốn NSTW - KH vốn kéo dài)		Tổng kế hoạch vốn bố trí năm 2025				Kế hoạch vốn kéo dài (chuyển nguồn sang năm 2025)				Kế hoạch vốn năm 2025 (cấp mới)				Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Giảm	Tăng	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	Tổng cộng	Vốn Ngân sách trung ương	Vốn Ngân sách tỉnh	Vốn Ngân sách xã	
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>	<i>19</i>	<i>20</i>	<i>21</i>	<i>22</i>	<i>23</i>	<i>24</i>	<i>25</i>	<i>26</i>	<i>27</i>
	TỔNG CỘNG	178,000	178,000	-	-	-	-	-	-	178,000	178,000	-	-	-	138,000	316,000	316,000	-	-	138,000	138,000	-	-	178,000	178,000	-	-	
I	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI	178,000	178,000	-	-	-	-	-	-	178,000	178,000	-	-	-	138,000	316,000	316,000	-	-	138,000	138,000	-	-	178,000	178,000	-	-	
1	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	140,000	140,000	-	-	-	-	-	-	140,000	140,000	-	-	-	80,000	220,000	220,000	-	-	80,000	80,000	-	-	140,000	140,000	-	-	
1.1	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	140,000	140,000	-	-	-				140,000	140,000				80,000	220,000	220,000	-	-	80,000	80,000			140,000	140,000			
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	38,000	38,000	-	-	-				38,000	38,000				58,000	96,000	96,000	-	-	58,000	58,000			38,000	38,000			

BIỂU 6. TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (SAU ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã Lộc Bình)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên chương trình MTQG	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 được duyệt										Điều chỉnh (vốn NSTW)				Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh										Ghi chú
		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đầu tư phát triển				Vốn sự nghiệp				Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đầu tư phát triển				Vốn sự nghiệp						
			Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (Tĩnh giao)		Vốn khác	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng		Giảm	Tăng	Giảm		Tăng	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (Tĩnh giao)		Vốn khác	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng		
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã				Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã								Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã						
1	2		9	10	11	12	14	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	Tổng cộng	8.352,691	395,563	395,563	-	-	-	7.957,128	4.665,556	2.334,108	957,463	135,505	194,505	-	138,000	8.549,691	454,563	454,563	-	-	-	8.095,128	4.803,556	2.334,108	957,463	
1	Vốn đầu tư công (không bao gồm vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia)																									
2	Chương trình mục tiêu quốc gia	8.352,691	395,563	395,563	-	-		7.957,128	4.665,556	2.334,108	957,463	135,505	194,505	-	138,000	8.549,691	454,563	454,563	-	-		8.095,128	4.803,556	2.334,108	957,463	
2.1	Chương trình CTMTQG xây dựng nông thôn mới	4.179,721	-					4.179,721	1.718,236	2.334,108	127,376					4.179,721	-					4.179,721	1.718,236	2.334,108	127,376	
2.2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	80,000	-					80,000	80,000	-	-					80,000	-					80,000	80,000	-	-	
2.3	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.092,970	395,563	395,563				3.697,407	2.867,320	-	830,087	135,505	194,505		138,000	4.289,970	454,563	454,563				3.835,407	3.005,320	-	830,087	

BIỂU 7. TỔNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2025 (SAU ĐIỀU CHỈNH)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /11/2025 của HĐND xã Lộc Bình)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên chương trình MTQG	Kế hoạch vốn năm 2025 được duyệt										Điều chỉnh (vốn NSTW)				Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh										Ghi chú							
		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đầu tư phát triển				Vốn sự nghiệp				Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đầu tư phát triển				Vốn sự nghiệp													
			Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (Tinh giao)		Vốn khác	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng		Giảm	Tăng	Giảm		Tăng	Tổng cộng (tất cả các nguồn vốn)	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng (Tinh giao)		Vốn khác	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng								
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã				Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã									Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	Tổng cộng	8.352,691	395,563	395,563	-	-	-	7.957,128	4.665,556	2.334,108	957,463	135,505	194,505	-	138,000	8.549,691	454,563	454,563	-	-	-	8.095,128	4.803,556	2.334,108	957,463								
1	Vốn đầu tư công (không bao gồm vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia)																																
2	Chương trình mục tiêu quốc gia	8.352,691	395,563	395,563	-	-		7.957,128	4.665,556	2.334,108	957,463	135,505	194,505	-	138,000	8.549,691	454,563	454,563	-	-		8.095,128	4.803,556	2.334,108	957,463								
2.1	Chương trình CTMTQG xây dựng nông thôn mới	4.179,721	-					4.179,721	1.718,236	2.334,108	127,376					4.179,721	-					4.179,721	1.718,236	2.334,108	127,376								
2.2	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	80,000	-					80,000	80,000	-	-					80,000	-					80,000	80,000	-	-								
2.3	Chương trình MTQG Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.092,970	395,563	395,563				3.697,407	2.867,320	-	830,087	135,505	194,505		138,000	4.289,970	454,563	454,563				3.835,407	3.005,320	-	830,087								